TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS-PT
Ngày 19 - 5 - 2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2025/TLPT-DS ngày 26/02/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2025/QĐ-PT ngày 11/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần cà phê A.

Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ A, xã Y, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Nhật N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:* Ông Y K Niê Ksiêng, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Ông Lê Thế B; Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A; Bị đơn ông Trần Nhật N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/09/2018, Công ty cổ phần cà phê A (bên giao khoán) và ông Trần Nhật N (người nhận khoán) đã ký Hợp đồng về việc giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, mã lô: B32-02; đơn vị H - Vùng T, diện tích giao khoán là 1,14 ha, thời hạn Hợp đồng từ ngày 26/09/2018 đến ngày 31/3/2020. Về nguồn gốc diện tích nhận khoán, năm 2004 Công ty ký hợp đồng giao khoán với ông Ngô Văn L đến năm 2012 được giao khoán cho ông Huỳnh Hữu P, đến năm 2014 được giao khoán cho ông Lê Thế B, đến năm 2018 ông N xin nhận hợp đồng khoán từ ông Lê Thế B.

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc, đúng đủ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên. Ngày 26/3/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06-2020/NQ-HĐQT "*V/v Phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn Cây Cà phê tại vùng T"*. Theo đó, Công ty ban hành thông báo 202/TB-CPPA ngày 27/3/2020 có 02 nội dung:

1. Các hộ nhận khoán đến hạn thanh lý Hợp đồng, nếu không có nhu cầu tiếp tục nhận khoán thì liên hệ Đội trưởng để làm thủ tục thanh lý Hợp đồng.

2. Đối với các hộ có nhu cầu tiếp tục nhận khoán vườn cây cà phê, thì ký Phụ lục gia hạn Hợp đồng thêm 01 năm.

Công ty đã thực hiện các thủ tục mời làm việc với ông Trần Nhật N để thỏa thuận gia hạn Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng nhưng ông N không đồng ý các phương án Công ty đưa ra và không hợp tác để thanh lý Hợp đồng. Từ thời điểm hết hạn hợp đồng ngày 31/3/2020 đến nay, ông N vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng, chiếm giữ diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất, để chăm sóc và hưởng lợi toàn bộ 100% giá trị vườn cây giao khoán. Vì nhận thức toàn bộ vườn cây là tài sản của mình nên Công ty vẫn tiếp tục thực hiện việc tưới nước, bón phân mặc dù ông N từ chối việc nhận phân bón đầu tư vào vườn cây và Công ty vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước. Suốt thời gian kể từ khi hết hạn hợp đồng, ông N không nộp sản lượng khoán, làm ảnh hưởng đến thực hiện quyền chủ sở hữu đối với diện tích đất và giá trị vườn cây mà Công ty cổ phần cà phê A đã giao khoán. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Công ty cổ phần cà phê A yêu cầu Toà án Nhân dân huyện Krông Búk giải quyết:

1. Chấm dứt Hợp đồng giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018 ngày 26/9/2018, theo đúng nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng giữa bên giao khoán là Công ty và bên nhận khoán là ông Trần Nhật N.

2. Buộc ông Trần Nhật N phải hoàn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê A đã giao tại Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018 với diện tích là 1,14 ha, thuộc một phần của thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 279613 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty.

3. Buộc ông Trần Nhật N bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây của Công ty từ ngày 31/3/2020 đến ngày khởi kiện tạm tính là 01/3/2024, gồm: Toàn bộ sản lượng cà phê phải nộp Công ty đang thu đối với các hộ gia hạn hợp đồng: Vụ 2020-2021 bằng sản lượng vụ 2019-2020; vụ 2021-2022 giảm 500 kg so với sản lượng vụ 2019-2020; vụ 2022-2023 và vụ 2023-2024 nộp 3.500kg/1 ha, trong đó.

+ Nợ sản lượng vụ 2020-2021 là: 7.980 kg cà phê quả tươi (theo Nghị quyết số 06-2020/NQ-HĐQT).

+ Nợ sản lượng vụ 2021-2022 là: 7.410 kg cà phê quả tươi (theo Nghị quyết số 06-2021/NQ-HĐQT), trong đó sản lượng khoán là 7.980 kg cà phê quả tươi – 1.230 kg cà phê quả tươi là sản lượng quy từ phân bón (các loại phân gồm Urê, Lân, Kaly, ngày ghi nợ là 31/12/20021, tổng số lượng là 1368 kg, thành tiền là 11.046.714 đồng, quy thành sản phẩm là 1230 kg cà phê quả tươi). Sản lượng phải bồi thường là 6.180 kg.

+ Nợ sản lượng vụ 2022-2023 là: 3.990 kg cà phê quả tươi (theo Nghị quyết số 05-2022/NQ-HĐQT).

+ Nợ sản lượng vụ 2023-2024 là: 3.990 kg cà phê quả tươi (theo nghị quyết số 05-2022/NQ-HĐQT).

Tổng nợ sản lượng ông N đang nợ Công ty: 22.140 kg cà phê quả tươi.

4. Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 số tiền 17.059.543 đồng.

Năm 2014, Công ty có phương án trồng thêm cây Bơ bờ lô, theo thỏa thuận và phương án được lập, Công ty chịu trách nhiệm đầu tư cây giống, phân bón, tưới nước, vật tư ..v.v, còn hộ nhận khoán chịu trách nhiệm đầu tư thâm canh và lao động trên diện tích nhận khoán theo tỷ lệ Công ty đầu tư 20%, hộ nhận khoán đầu tư 80%.

Năm 2015, Công ty có phương án trồng xen cây Bơ trong vườn cây cà phê, theo thỏa thuận và phương án được lập, Công ty chịu trách nhiệm đầu tư cây giống, phân bón, tưới nước, vật tư ..v.v, hộ nhận khoán chịu trách nhiệm đầu tư

thâm canh và lao động trên diện tích nhận khoán theo tỷ lệ Công ty đầu tư 60%, hộ nhận khoán đầu tư 40%.

Năm 2014 và năm 2015 diện tích vườn cây Công ty giao khoán cho ông Lê Thế B, ông B đã thực hiện theo phương án trồng bơ của Công ty, năm 2018 ông N tiếp tục thực hiện việc chăm sóc và đầu tư theo tỷ lệ Công ty đầu tư 20%, hộ nhận khoán đầu tư 80% đối với cây Bơ trồng bờ lô và Công ty đầu tư 60%, hộ nhận khoán đầu tư 40 % đối với cây Bơ trồng trong lô và đã ký quyết toán hàng năm với Công ty.

Về giải quyết quyền lợi, thanh lý hợp đồng với các chủ nhận khoán trước thì hợp đồng ban đầu của diện tích nhận khoán được ký lần đầu vào năm 1997 với ông Ngô Văn L, đến năm 2004 Công ty ký hợp đồng giao khoán lại với ông Ngô Văn L, đến năm 2012 diện tích trên được giao khoán cho ông Huỳnh Hữu P, đến năm 2014 diện tích trên được giao khoán cho ông Lê Thế B.

Về thủ tục chấm dứt thanh lý, khi chuyển giao hợp đồng giao nhận khoán cho người mới đều có biên bản bàn giao vườn cây. Việc ông B ký lại hợp đồng năm 2004 đã chấm dứt hợp đồng năm 1997, thực hiện các thỏa thuận theo hợp đồng ký năm 2004 trở về sau.

Tôi đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, các kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị Nhị H xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chấm dứt hợp đồng giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018, buộc ông N phải trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây trên diện tích đất giao nhận khoán. Buộc ông N phải bồi thường thiệt hại đối với các vụ năm 2020-2021; vụ năm 2021-2022; vụ 2022-2023, với tổng sản lượng là 18.150 kg cà phê quả tươi. Yêu cầu bị đơn trả tiền nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 số tiền 17.059.543 đồng.

Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường sản lượng của vụ năm 2023-2024 là 3.990kg cà phê quả tươi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán, Công ty đồng ý trả cho ông N 50% giá trị cây cà phê, 50% giá trị cây muồng bờ lô, 40% giá trị cây bơ trong lô, 80% giá trị cây bơ bờ lô, bồi thường 100% giá trị cây trồng khác gồm cây sầu riêng, cây tiêu, cây mác ca, cây chè tàu (hàng rào) cho ông N. Ngoài ra Công ty sẽ trả cho ông N số tiền 7.968.600 đồng là số tiền được quy ra từ phân bón của vụ năm 2020-2021 do ông N không nhận phân bón của vụ năm 2020-2021.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Y K Niê Ksiêng là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 26/09/2018, Công ty (bên giao khoán) và ông Trần Nhật N (người nhận khoán) đã ký Hợp đồng về việc giao – nhận khoán vườn cà phê theo Hợp đồng số 112/HĐKT/2018, mã lô: B32-02, đơn vị: H – Vùng T, diện tích giao khoán là 1,14 ha, thời hạn Hợp đồng từ ngày 26/09/2018 đến ngày 31/3/2020. Để được nhận khoán vườn cây ông N đã phải trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông Lê Thế B, việc ông N nhận khoán, bỏ tiền ra để được nhận khoán thì Công ty có biết và đồng ý giao đất, cho ông N ký hợp đồng giao nhận khoán. Đến nay hợp đồng đã hết hạn, việc Công ty khởi kiện yêu cầu giải quyết chấm dứt thanh lý Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018 theo đúng nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng thì bị đơn đồng ý. Buộc ông N phải hoàn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây cho Công ty cổ phần cà phê A đã giao theo Hợp đồng giao – nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, với diện tích là 1.14 ha, thuộc một phần thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 279613, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty thì bị đơn đồng ý vì đất của Công ty, bị đơn không tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng chỉ giao trả đất khi bị đơn được giải quyết quyền lợi khi chấm dứt hợp đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê quả tươi vụ năm 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024. Đối với nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 đã được hội đồng thẩm định kiểm đếm và định giá, được phân chia phần trăm của hai bên được hưởng theo tỷ lệ góp vốn và đầu tư cho cây trồng, việc Công ty thu thêm khoản nợ đầu tư cây bơ ngoài tỷ lệ đã thống nhất là không hợp lý và không có cơ sở, bởi vì:

Hợp đồng hết thời hạn từ ngày 31/3/2020 nghĩa là hợp đồng hết hiệu lực, trước khi hợp đồng hết thời hạn, ông N cùng nhiều hộ dân khác đã có đơn kiến nghị, đề nghị gửi đến Công ty và các cấp cơ quan, ban ngành có thẩm quyền. Ngày 12/8/2021 ông N cùng gần 200 hộ dân khác đã có đơn, kiến nghị gửi lên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê A (nay là Công ty cổ phần cà phê A), trong đơn đã trình bày rõ tâm tư, nguyện vọng của mình để Công ty xác lập dự thảo, phương án hợp đồng mới phù hợp với tình hình thực tế, hai bên cùng trao đổi, lắng nghe ý kiến xây dựng trên tinh thần ý chí tự nguyện và dân chủ, các bên cùng có lợi, tránh tình trạng đơn phương áp đặt từ một phía. Nếu ông N đồng ý và lựa chọn một trong hai phương án mà Công ty đưa ra thì ông N và gia đình mất hết toàn bộ quyền lợi theo những nội dung thoả thuận tại hợp đồng liên kết sản xuất kinh doanh cà phê năm 1997. Việc Công ty cho rằng ông N cố tình chiếm giữ đất

và vườn cây là hoàn toàn không có cơ sở vì Công ty vi phạm nội dung trong hợp đồng năm 1997.

Ngày 28/9/2021 nhận được thông báo số 194/TB-CPPA của Công ty về việc trả lời đơn kiến nghị 181 hộ dân nhận khoán vườn cà phê vùng T, đã cung cấp bản phô tô cho Toà án. Sau khi nhận thông báo nêu trên bị đơn và các hộ dân khác đã có đơn đề nghị gửi lên Công ty nhưng vẫn bị phớt lờ, làm ngơ. Trong nhiều đơn, chúng tôi đã gửi đến Công ty và chúng tôi đã có trình bày tâm tư, nguyện vọng, nội dung cụ thể như sau:

Áp dụng sản lượng nộp khoán, các khoản đầu tư theo hợp đồng đã hết thời hạn, hết hiệu lực là không hợp lý, không phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, nếu hai bên không tổ chức được cuộc trao đổi, bàn bạc, thảo luận lấy ý kiến xây dựng để đi đến thoả thuận thống nhất thì chúng tôi tự đầu tư 100% không nhận một khoản đầu tư nào từ phía Công ty, được hưởng 100% sản lượng, chúng tôi thu hoạch mang về tự chế biến bảo quản và tiêu thụ, chúng tôi tự dựng lán, chòi tự bảo vệ sản phẩm của mình, về trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tưới nước chúng tôi thanh toán đúng đợt tưới và đủ số tiền khi có thông báo của Công ty. Về tiền thuê đất chúng tôi chấp hành việc thực hiện nộp đúng và đủ số tiền thuê đất như mức giá quy định hợp đồng thuê đất của tỉnh Đắk Lắk cũng như của nhà nước được quy định khi có cơ sở thông báo của Công ty (nếu có).

Về việc Công ty cổ phần cà phê A ra quyết định và thông báo, theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT, ngày 26/3/2020, của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê A về việc *"Phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê"* tại vùng T, quyết định này là quyết định nội bộ không được thông qua rộng rãi cũng không gửi cho từng hộ nhận khoán để nắm bắt, hiểu nội dung của quyết định này.

Thông báo số 202/TB-CPPA ngày 27/3/2022 của Công ty cổ phần cà phê A về việc *"thanh lý và gia hạn hợp đồng",* có nội dung:

Về thanh lý hợp đồng: Công ty chỉ thanh toán công chăm sóc vườn cây từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/3/2021, sản lượng giao nộp cho Công ty bằng sản lượng vụ năm 2019-2020, áp dụng theo sản lượng của hợp đồng hết hiệu lực tương ứng với sản lượng mà các hộ dân nhận khoán khác đã ký hợp đồng gia hạn với Công ty. Trong khi Công ty mời làm việc, bị đơn cũng như nhiều người khác chỉ được chọn một trong hai phương án mà Công ty đưa ra, chúng tôi không được tham gia ý kiến xây dựng, không có tính tự nguyện và dân chủ chỉ mang tính chất ép buộc và đơn phương áp đặt từ phía Công ty, mặc dù chúng tôi đã có rất nhiều đơn đề nghị, kiến nghị gửi đến Công ty cũng như các cấp có thẩm quyền, nhưng Công ty không tôn trọng, tiếp thu, ghi nhận ý kiến hay giải quyết quyền lợi cho

người nhận khoán. Từ những ly do trên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bồi thường sản lượng của các mùa vụ sau khi hết hạn hợp đồng là không có cơ sở.

Tôi đồng ý với các kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, các kết quả định giá tài sản, định giá lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn không biết địa chỉ của ông L, ông P là những người nhận khoán trước ông N nên không thể cung cấp cho Toà án.

Tại phiên toà ông Y K Niê Ksiêng trình bày: Bị đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán, trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và vườn cây trên đất, về giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán, đồng ý việc Công ty sẽ trả cho ông N 50% giá trị cây cà phê, 50% giá trị cây muồng bờ lô, 40% giá trị cây bơ trong lô, 80% giá trị cây bơ bờ lô, bồi thường 100% giá trị cây trồng khác gồm cây sầu riêng, cây tiêu, cây mác ca, cây chè tàu (hàng rào) cho ông N, trả cho ông N số tiền 7.968.600 đồng được quy ra từ phân bón của vụ năm 2020-2021.

Không đồng ý với yêu cầu bồi thường sản lượng cà phê của vụ năm 2020-2021; vụ năm 2021-2022; vụ năm 2022-2023 với tổng sản lượng là 18.150kg cà phê quả tươi và yêu cầu trả nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 số tiền 17.059.543 đồng.

Đối với việc Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số lượng 3.990 kg cà phê quả tươi của vụ năm 2023-2024 thì bị đơn không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Trần Nhật N trình bày: Tôi đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày của ông Y K Niê Ksiêng là người đại diện theo uỷ quyền của tôi, không bổ sung thêm, không có yêu cầu phản tố.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Sự việc tranh chấp giữa Công ty và chồng tôi đã có chồng tôi là ông Trần Nhật N đứng ra giải quyết với Công ty, tôi đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày ông Y K Niê Ksiêng và ý kiến của ông N, không có ý kiến bổ sung, tôi không có yêu cầu độc lập.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thế B, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã cấp, thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, các giấy báo tham gia phiên toà, tuy nhiên ông Lê Thế B vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 157, 165, 203, 243, 244, 270 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 224, 419, 388, 390, 392, 412, 414, 501,502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 580, 581 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 224, Điều 419, Điều 580, Điều 581 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 8,9, 10 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/6 /2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn hướng dẫn một số điều Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A đối với bị đơn ông Trần Nhật N.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018, mã lô: B32-02-Đơn vị: H – Vùng T, diện tích 1,14 ha (10.140m^2) giữa nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A và bị đơn ông Trần Nhật N.

1.2. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N phải trả lại toàn bộ diện tích đất, các loại cây trồng trên đất nhận khoán, mã lô: B32-02-Đơn vị: H – Vùng T, diện tích 1,14 ha (10.140m^2), thuộc một phần của thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22, tại Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 279613, cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty cổ phần cà phê A, có vị trí tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường lô;

+ Phía Tây giáp đường lô;

+ Phía Nam giáp lô đất do Công ty quản lý;

+ Phía Bắc giáp lô ông Nguyễn Quang K.

Trên đất có 1200 cây cà phê; 21 cây sầu riêng ghép, 95 cây bơ trong lô; 31 cây bơ bờ lô; 01 cây mắc ca; 08 cây tiêu; 42 cây muồng trồng bờ lô; hàng rào chè tàu dài 114 m.

1.3. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A là 18.150 kg cà phê quả tươi, trong đó nợ sản lượng vụ mùa năm 2020-2021 là 7.980 kg; vụ mùa năm 2021-2022 là 6.180 kg; vụ mùa năm 2022-2023 là 3.990 kg.

1.4. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần cà phê A số tiền nợ đầu tư cây bơ tính đến hết năm 2019 là 17.059.543 đồng.

2. Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn ông Trần Nhật N giá trị các cây trồng trên đất tổng số tiền là 525.208.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại sản lượng 3.990 kg cà phê quả tươi của vụ mùa năm 2023-2024.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 6.500.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Nhật N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự không có giá ngạch.

- Bị đơn ông Trần Nhật N phải chịu 19.910.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức tính 398.209.543 đồng x 5%).

- Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A phải chịu 25.008.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch (theo mức tính 20.000.000 đồng + 4% giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền 10.475.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0004269 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Công ty cổ phần cà phê A còn phải nộp số tiền án phí là 14.533.000 đồng.

Ngày 18/11/2024 ông Trần Nhật N kháng cáo bản án số 48/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk với nội dung : Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cà phê A về việc buộc ông N phải trả sản lượng 03 vụ mùa năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 là 18.150 kg cà phê quả tươi. Công ty buộc ông N trả tiền đầu tư cây bơ từ năm 2015 đến năm 2019 với số tiền 17.059.543 đồng là không phù hợp.

Ngày 18/11/2024 Công ty cổ phần cà phê A kháng cáo về án phí. Bản án sơ thẩm buộc công ty phải chịu 25.008.000đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng vì công ty trả cho bị đơn số tiền hưởng 50% giá trị vườn cây cà phê, cây muồng, 100% giá trị cây trồng thêm không nằm trong nội dung khởi kiện mà là thỏa thuận ngoài hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A và bị đơn ông Trần Nhật N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông N và Công ty cổ phần cà phê A thừa nhận vào ngày 26/9/2018, các bên có ký hợp đồng giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018, mã lô: B32-02 - Đơn vị: H – Vùng T, diện tích 1,14 ha (10.140m^2), đến ngày 31/3/2020 hết hạn hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N và Công ty thống nhất về việc phân chia giá trị các loại cây trồng trên đất và đồng ý trả giá trị cây cà phê, cây muồng bờ lô mỗi bên được hưởng 50% , cây bơ bờ lô chia theo tỷ lệ ông N được hưởng 80%, Công ty được hưởng 20%, cây bơ trong lô Công ty được hưởng 60%, ông N được hưởng 40%, còn các cây trồng khác gồm cây sầu riêng, cây tiêu, cây mác ca, cây chè tàu (hàng rào) ông N đầu tư, Công ty đồng ý trả 100% cho ông N với tổng giá trị 525.208.500đồng. Việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý việc buộc bị đơn phải trả sản lượng cà phê của 03 vụ năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 là 18.150 kg cà phê quả tươi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng từ năm 2018 đến ngày 31/3/2020, hàng năm ông N vẫn đóng sản lượng đầy đủ cho Công ty theo hợp đồng giao khoán. Sau khi hết hạn hợp đồng, kể từ ngày 01/04/2020, ông N vẫn chiếm giữ và hưởng lợi toàn bộ sản lượng thu hoạch từ diện tích giao khoán không có sự đồng ý của Công ty, ông N không đồng ý chấm dứt thanh lý hợp đồng, cũng không gia hạn hợp đồng,

không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty vì cho rằng Công ty chưa giải quyết quyền lợi, phân chia giá trị cây trồng trên đất, đáng lẽ ra khi hết thời hạn hợp đồng ông N không tiếp tục gia hạn hợp đồng thì phải khởi kiện Công ty về việc thanh lý hợp đồng để xác định giá trị vườn cây của mỗi bên nhưng ông N vẫn chiếm giữ và thu hoa lợi trên vườn cây trong khi công ty vẫn phải nộp thuế sử dụng đất hàng năm cho Nhà nước, ngoài ra ông N cũng được hưởng giá trị vườn cây khi chấm dứt hợp đồng. Vì vậy, việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông N phải bồi thường sản lượng cho Công ty theo mức sản lượng Công ty đang thu đối với các hộ gia hạn hợp đồng: Vụ 2020-2021 bằng sản lượng vụ 2019-2020; vụ 2021-2022 giảm 500 kg so với sản lượng vụ 2019-2020; vụ 2022-2023 nộp 3.500kg/1 ha là phù hợp.

Căn cứ vào diện tích ông N nhận khoán và đang quản lý thì sản lượng của ông N phải bồi thường cho Công ty gồm, nợ sản lượng vụ 2020-2021 là: 7.980 kg; nợ sản lượng vụ 2021-2022 là 6.180 kg cà phê quả tươi (đã trừ 1.230 kg là sản lượng quy từ phân bón); nợ sản lượng vụ 2022-2023 là 3.990 kg. Tổng sản lượng ông N phải bồi thường cho Công ty là 18.150 kg cà phê quả tươi là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của ông N về nội dung này là không có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của ông N về việc không đồng ý trả tiền nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019, thấy rằng: Căn cứ vào phương án trồng và chăm sóc cây bơ vùng An Thuận ngày 17/6/2014, cây bơ trồng bờ lô thấy rằng Công ty chịu trách nhiệm đầu tư cây giống, phân bón, tưới nước, vật tư..., còn hộ nhận khoán chịu trách nhiệm đầu tư thâm canh và lao động trên diện tích nhận khoán theo tỷ lệ Công ty đầu tư 20%, hộ nhận khoán đầu tư 80%. Qúa trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất về giá trị cây bơ bờ lô chia theo tỷ lệ hộ nhận khoán được hưởng 80%, Công ty được hưởng 20%, sau khi chấm dứt thanh lý hợp đồng ông N được hưởng 80% giá trị, ông N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông N tự trồng, tự đầu tư, tự chăm sóc cây bơ. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc ông N phải hoàn trả cho Công ty số tiền nợ đầu tư cây bơ tính đến hết vụ năm 2019 với số tiền 17.059.543 đồng là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của ông N là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần cà phê A về việc Bản án sơ thẩm buộc công ty phải chịu 25.008.000đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, Hội đồng xét xử thấy rằng : Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất chấm dứt hợp đồng giao khoán nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán với bị đơn, buộc bị đơn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất, các loại cây trồng trên đất giao khoán với diện tích 1,14ha thửa đất 58, tờ bản đồ số 22, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số CM 279613, cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty.

Về hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng : Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc phân chia giá trị các loại cây trồng trên đất, thống nhất giá trị cây cà phê, cây muồng bờ lô mỗi bên được hưởng 50%. Về giá trị cây bơ bờ lô chia theo tỷ lệ gia đình ông N được hưởng 80% giá trị, Công ty được hưởng 20% giá trị, về giá trị cây bơ trong lô chia theo tỷ lệ Công ty được hưởng 60% giá trị, còn ông N được hưởng 40% giá trị. Về các loại cây trồng do ông N tự trồng gồm cây sầu riêng, cây mác ca, cây tiêu, hàng rào chè tàu thì Công ty đồng ý trả 100 % giá trị cho ông N.

Sau khi tính toán thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Nhật N tổng số tiền là: 525.208.500 đồng.

Việc thỏa thuận hưởng giá trị các loại cây trồng trên đất đã được ghi nhận trong bản án đối với giá trị tài sản mà bên phải trả hoặc phải bồi thường đều phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải có nghĩa vụ chịu án phí đối với số tiền công ty có nghĩa vụ thanh toán cho ông N 525.208.500 đồng với số tiền án phí 25.008.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của Công ty là không có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên xét thấy kháng cáo của ông N và Công ty cổ phần cà phê A là không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N và Công ty cổ phần cà phê A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Nhật N và kháng cáo của Công ty cổ phần cà phê A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các điều 157, 165, 203, 243, 244, 270 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 224, 419, 388, 390, 392, 412, 414, 501,502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 580, 581 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 224, Điều 419, Điều 580, Điều 581 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 8,9, 10 Nghị định số 135/2005/NĐ-

CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/6 /2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn hướng dẫn một số điều Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A đối với bị đơn ông Trần Nhật N.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng giao - nhận khoán vườn cà phê số 112/HĐKT/2018, ngày 26/9/2018, mã lô: B32-02-Đơn vị: H – Vùng T, diện tích 1,14 ha (10.140m^2) giữa nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A và bị đơn ông Trần Nhật N.

1.2. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N phải trả lại toàn bộ diện tích đất, các loại cây trồng trên đất nhận khoán, mã lô: B32-02-Đơn vị: H – Vùng T, diện tích 1,14 ha (10.140m^2), thuộc một phần của thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22, tại Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 279613, cấp ngày 03/4/2018 cho Công ty cổ phần cà phê A, có vị trí tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường lô;

+ Phía Tây giáp đường lô;

+ Phía Nam giáp lô đất do Công ty quản lý;

+ Phía Bắc giáp lô ông Nguyễn Quang K.

Trên đất có 1200 cây cà phê; 21 cây sầu riêng ghép; 95 cây bơ trong lô; 31 cây bơ bờ lô; 01 cây mắc ca; 08 cây tiêu; 42 cây muồng trồng bờ lô; hàng rào chè tàu dài 114 m.

1.3. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A là 18.150 kg cà phê quả tươi, trong đó nợ sản lượng vụ mùa năm 2020-2021 là 7.980 kg; vụ mùa năm 2021-2022 là 6.180 kg; vụ mùa năm 2022-2023 là 3.990 kg.

1.4. Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần cà phê A số tiền nợ đầu tư cây bơ tính đến hết năm 2019 là 17.059.543 đồng.

2. Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn ông Trần Nhật N giá trị các cây trồng trên đất tổng số tiền là 525.208.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại sản lượng 3.990 kg cà phê quả tươi của vụ mùa năm 2023-2024.

[3]. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trần Nhật N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 6.500.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Nhật N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự không có giá ngạch.

- Bị đơn ông Trần Nhật N phải chịu 19.910.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức tính 398.209.543 đồng x 5%).

- Nguyên đơn Công ty cổ phần cà phê A phải chịu 25.008.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch (theo mức tính 20.000.000 đồng + 4% giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền 10.475.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0004269 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Công ty cổ phần cà phê A còn phải nộp số tiền án phí là 14.533.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Nhật N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012339 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty cổ phần cà phê A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012340 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Buk;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng